

T600

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71 /2006/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 9 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề
tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn; Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ/BNN-CB ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành nghề nông thôn trong công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn đến 2010;

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV) về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2006 - 2010; Thông báo số 112-TB/TU ngày 15 tháng 7 năm 2006 về ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ tại cuộc họp ngày 14 tháng 7 năm 2006; Kết luận số 08 -KL/TU ngày 01 tháng 8 năm 2006 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (kỳ 8);

Căn cứ Quyết định số 47/2005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 56/2005/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 57/2005/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp - Thủ công nghiệp tại Tờ trình số 198a/TTr-CN ngày 07 tháng 7 năm 2006 về việc đề nghị phê duyệt Đề án

~~278~~

T60A

phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang giai đoạn năm 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Phương hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp

Xuất phát từ thực trạng, tiềm năng, lợi thế của địa phương, giai đoạn 2006-2010 sản xuất tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và làng nghề của tỉnh tốc độ tăng trưởng bình quân trên 17%/năm; giá trị sản xuất đến năm 2010 đạt trên 627.100 triệu đồng; phấn đấu tạo việc làm mới cho trên 10.000 lao động. Sản xuất TTCN và làng nghề tập trung phát triển các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Chế biến nông, lâm, thủy sản: Chế biến các nông sản có vùng nguyên liệu tập trung; sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, lâm sản phụ để làm hàng xuất khẩu; chế biến nông sản thực phẩm phục vụ đời sống và phát triển những sản phẩm đã có uy tín trên thị trường và được người tiêu dùng ưa chuộng để xây dựng thương hiệu.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Sản xuất gạch nung, khai thác đá xây dựng, cát, sỏi.

- Sản xuất cơ khí nhỏ và hàng tiêu dùng: Sản xuất cơ khí hàng hoá phục vụ xây dựng; cơ khí phục vụ canh tác và thu hoạch trong nông nghiệp.

1. Về công nghiệp chế biến nông, lâm sản

Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 24%/năm; đến năm 2010, đạt giá trị sản xuất trên 254.365 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 40,5% giá trị sản xuất TTCN.

Định hướng phát triển:

- Gắn sản xuất với vùng nguyên liệu, trên cơ sở mở rộng vùng nguyên liệu cung cấp đủ cho sản xuất lâu dài.

- Chế biến cây công nghiệp gắn ngay gần với vùng nguyên liệu: chế biến đỗ tương, ngô, lạc tại các huyện Sơn Dương, Yên Sơn.

* - Chế biến lạc, đường mật tại huyện Chiêm Hoá (ngoài vùng nguyên liệu của nhà máy đường).

- Chế biến lâm sản gắn với các địa phương có nguyên liệu hoặc có thị trường, lao động như sản xuất hàng mây, tre, giang đan, chắp nứa sơn mài mỹ nghệ, chổi chít tại thị xã Tuyên Quang và các huyện Na Hang, Chiêm Hoá, Yên Sơn, Hàm Yên; sản xuất mảnh hạt gỗ, mũ cối tại thị xã Tuyên Quang; sản xuất dũa tre, dũa gỗ xuất khẩu tại thị xã Tuyên Quang, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Na Hang.

Phát triển các cơ sở sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất tại các thị trấn, thị xã để phục vụ nhu cầu đời sống. Ưu tiên phát triển đối với những doanh nghiệp

chế biến gỗ có dự án sản xuất với trang thiết bị hiện đại, có đầu ra ổn định, sản xuất hàng hoá giá trị cao, tiết kiệm nguyên liệu. Khôi phục và mở rộng các làng nghề trước đây đã có, hiện thị trường vẫn có nhu cầu như sản xuất măng cọt, chiếu tre, nứa, đan guột tại huyện Chiêm Hoá, Na Hang.

- Khôi phục các làng nghề trồng bông, dệt vải thổ cẩm gắn với quy hoạch du lịch, tạo nhiều sản phẩm phục vụ khách du lịch cũng như tạo nơi tham quan nghiên cứu về văn hoá dân tộc trên các tua du lịch Tuyên Quang - Chiêm Hoá - Na Hang.

- Sản xuất các sản phẩm lương thực, thực phẩm qua chế biến, từng bước tiến tới xây dựng thương hiệu đối với những hàng hoá đã có uy tín trên thị trường và được người tiêu dùng ưa chuộng.

- Nghiên cứu, tìm thị trường đào tạo nghề mới để sản xuất các loại sản phẩm đan lát bằng lâm sản phụ hoặc kết hợp giữa các loại vật liệu như song, mây, tre, nứa, gỗ, sắt, sợi nhựa, sợi đay, cói, lá mai, bẹ chuối, lá cọ... hiện thị trường xuất khẩu rất ưa chuộng, sử dụng nguyên liệu sẵn có trên địa bàn tỉnh.

- Chế biến thức ăn gia súc quy mô nhỏ, phát triển các điểm xay sát lúa gạo, ngô, đỗ, lạc làm thức ăn gia súc, gia cầm, các điểm sơ chế nông lâm sản tại các xã, trung tâm cụm xã, các thị trấn, thị xã, các khu tái định cư mới xây dựng.

- Duy trì sản xuất chế biến những mặt hàng khác phục vụ tiêu dùng trong tỉnh.

2. Về sản xuất vật liệu xây dựng

Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 13,6%/năm; giá trị sản xuất đến 2010 đạt trên 158.427 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 25,2% giá trị sản xuất TTCN.

Định hướng phát triển:

603

- Khai thác lợi thế các vùng nguyên liệu sẵn có để đầu tư đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

- Ở những nơi có điều kiện về nguyên liệu đầu tư lò gạch tuy nện, công suất 10 triệu viên/năm như tại Cụm công nghiệp Sơn Nam (Sơn Dương) và ở các huyện Hàm Yên, Yên Sơn. Quy hoạch xây dựng các cụm lò đốt liên hoàn thay thế các lò đốt thủ công hiện có ở những vùng có nguồn đất sét như ở các huyện Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang và hạ huyện Sơn Dương, đáp ứng nhu cầu tại chỗ của nhân dân.

- Khai thác cát, sỏi ở các vùng dọc sông Lô tại thị xã Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Sơn Dương để phục vụ nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Việc khai thác phải nằm trong khu vực cho phép, đảm bảo an toàn giao thông thuỷ, an toàn cho đê, cầu, cống và tránh gây xói lở bờ sông.

- Khai thác đá phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở, làm đường giao thông, sản xuất vôi, ở những vùng giáp ranh với các tỉnh xung quanh khai thác để đáp ứng cho các nhu cầu của các tỉnh. Khai thác đá xây dựng có thể thực hiện ở tất

cả các vùng có điều kiện sau khi đã được cấp giấy phép.

- Khai thác các loại đá xẻ, đá ốp lát tại huyện Sơn Dương, Yên Sơn, đá làm đồ dùng, đồ mỹ nghệ như đá trắng Hàm Yên; sản xuất bột đá trắng siêu mịn.

- Khai thác cát, sỏi đá để sản xuất gạch lát hè, đường, đúc cống, tấm dầy, cột điện vùng nông thôn... có thể lắp đặt máy móc sản xuất các sản phẩm trên tại khu vực thị xã Tuyên Quang, huyện Yên Sơn. Sản xuất gạch không nung từ xi măng ở những nơi có nhu cầu như các thị trấn, thị tứ, vùng nông thôn.

3. Sản xuất cơ khí nhỏ và dịch vụ sửa chữa cơ khí

Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 14,7%/năm; đến năm 2010, đạt giá trị sản xuất trên 114.445 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 18,2% giá trị sản xuất TTCN.

Định hướng phát triển:

- Khuyến khích mở rộng các cơ sở sản xuất cơ khí nhỏ tại các thị tứ, thị trấn, thị xã để sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng như: cửa hoa, cửa sắt, cửa kính khung nhôm. Đào tạo nâng cao tay nghề thợ để sản xuất hàng hoá có mẫu mã, chất lượng cao.

- Phát triển các dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy, tàu thuyền; sửa chữa, gia công phụ tùng, máy móc nông nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích các hợp tác xã nông lâm nghiệp làm tốt dịch vụ làm đất, thu hoạch bằng máy và đào tạo thợ sửa chữa máy móc có tay nghề cao tại cơ sở.

- Nghiên cứu, ứng dụng lắp đặt, sửa chữa máy móc trong các khâu chế biến nông lâm sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ...

- Ở những nơi vùng sâu, vùng xa khuyến khích khôi phục các điểm sản xuất nông cụ cầm tay có truyền thống, kết hợp với sửa chữa cơ khí, sản xuất đồ dùng gia đình.

- Phát triển các điểm sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí xung quanh các khu, cụm, điểm công nghiệp, các khu khai thác mỏ để làm vệ tinh sản xuất, sửa chữa phụ tùng cho máy móc thiết bị của các nhà máy và các khu mỏ.

4. Các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp khác

Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 12%/năm; đến năm 2010, đạt giá trị sản xuất trên 100.000 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 15,9% giá trị sản xuất TTCN.

Định hướng phát triển:

- Phát triển may mặc ở thị xã, thị trấn, thị tứ để phục vụ nhu cầu đa dạng của nhân dân ở mỗi vùng. Sản xuất, sửa chữa giày dép, mũ, nón, đan len, gia công các đồ trang trí nội thất, rèm cửa, chăn màn, gối đệm... phát triển thủ ren ở những nơi có điều kiện để sản xuất hàng hoá phục vụ cho du lịch.

- Khuyến khích thu gom, chế biến phế liệu nhựa, giấy, thuỷ tinh, sắt thép.

604

- Ở những vùng có khoáng sản được phép khai thác tận thu, khuyến khích thu gom chọn lọc để phục vụ cho các cơ sở sản xuất tại chỗ.

II. Phát triển làng nghề

Định hướng phát triển:

- Các làng có nghề phải sắp xếp lại sản xuất kinh doanh ở từng hộ, tổ, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, cải tiến mẫu mã, mở rộng thị trường, liên kết lập ra các cơ sở, doanh nghiệp để có sự đầu tư thích hợp và tổ chức sản xuất hợp lý, phân công thực hiện từng công đoạn của quá trình sản xuất. Tạo môi trường thuận lợi khuyến khích các làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu. Mở rộng mạng lưới giao dịch, tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

- Quy hoạch xây dựng các cụm, điểm công nghiệp ở các huyện, thị xã, trung tâm cụm xã để bố trí mặt bằng cho sản xuất TTCN bao gồm khu dành cho sản xuất, khu vực trung bày, giới thiệu bán sản phẩm; những công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường phải bố trí nơi xa khu dân cư.

Trong những năm tới định hướng phát triển làng nghề ở các khu vực sau:

60

1. Thị xã Tuyên Quang

- Quy hoạch xây dựng hai điểm TTCN ở xã Nông Tiến, Ý La để bố trí cho các cơ sở có nhu cầu mở rộng sản xuất.

- Xây dựng làng nghề mây, tre, giang đan tại xóm 10, xã Ý La, phấn đấu xây dựng làng làm nghề chập nửa sơn mài tại xóm 35, xã Ý La.

- Xây dựng làng nghề chổi chít tại xóm 6, xã Ý La; các hộ trong tổ, xóm làm nghề chổi chít nằm trên địa bàn làm vệ tinh cho làng nghề.

- Khôi phục nghề đan cót tại khu vực Xuân Hoà, phường Minh Xuân.

2. Huyện Na Hang

- Khôi phục nghề trồng bông, dệt thổ cẩm gắn với làng du lịch sinh thái ở các xã có điều kiện nằm trên các tua, tuyến du lịch trong quy hoạch.

- Nghiên cứu phát triển trồng mây tại các xã Thượng Lâm, Khuôn Hà, Lăng Can cung cấp nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ mây, tre, giang đan xuất khẩu.

3. Huyện Chiêm Hoá

- Khôi phục các ngành nghề sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm tại thị trấn Vĩnh Lộc để phục vụ tua du lịch Tuyên Quang - Chiêm Hoá - Na Hang.

- Phát triển cơ sở sản xuất cót ép trang trí xuất khẩu tại thị trấn Vĩnh Lộc; các hộ trong thôn, bản ở các xã trên địa bàn huyện làm vệ tinh.

- Xây dựng các điểm phát triển TTCN tại các xã Vinh Quang, Minh

Quang, Phúc Sơn và thị trấn Vĩnh Lộc sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mây, tre đan xuất khẩu, mộc dân dụng, chế biến nông sản, dệt thổ cẩm...

- Xây dựng làng nghề mây, tre, giang đan tại xã Trung Hà.

- Xây dựng làng nghề chế biến chè đặc sản Khau Mút.

4. Huyện Hàm Yên

- Quy hoạch cụm công nghiệp Tân Thành, các điểm TTCN Yên Phú, Thái Sơn và thị trấn Tân Yên.

- Khôi phục, phát triển ngành nghề sản xuất măng cọt, mây, tre đan mỹ nghệ tại các xã Thái Sơn, Thái Hoà, Hùng Đức, Đức Ninh và thị trấn Tân Yên.

- Phát triển nghề dệt len, thổ cẩm, mộc sợi tại các xã Minh Hương, Bình Xa, Thái Sơn và thị trấn Tân Yên. √

606 - Xây dựng làng nghề sản xuất gạch nung ở những khu vực có mỏ đất sét như Bến Bợ, xã Minh Dân.

5. Huyện Yên Sơn

- Phát triển các làng nghề sản xuất mây, tre, giang đan tại các xã Kim Phú, Trung Sơn, Đạo Viện.

- Phát triển cơ sở sản xuất đồ mộc cao cấp tại các xã An Tường, Lương Vượng, Trung Môn.

6. Huyện Sơn Dương

Xây dựng làng nghề dệt thổ cẩm tại xã Tân Trào gắn với Khu du lịch lịch sử - văn hoá Tân Trào.

III. Các giải pháp chủ yếu

1. Về công tác quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các huyện, thị xã khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển TTCN làng nghề của địa phương để triển khai thực hiện. Lựa chọn phương án tối ưu và lợi thế về nguồn lực vốn có của địa phương, mỗi huyện, thị xã quy hoạch từ 1 - 2 điểm công nghiệp có quy mô từ 1 - 5 ha đặt ở những địa điểm gần thị trấn, thị tứ, thuận lợi về hạ tầng cơ sở, nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ.

Quy hoạch mở rộng điểm công nghiệp Dốc Đỏ, xã Nông Tiến và Tân Hà, xã Ý La, thị xã Tuyên Quang; điểm công nghiệp thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên và các điểm công nghiệp khác ở các huyện.

Xây dựng tiêu chí làng nghề; xây dựng làng nghề chổi chít xóm 06 xã Ý La để rút kinh nghiệm. Khoanh định các nơi được phép khai thác cát, sỏi, đá xây dựng, sản xuất gạch, ngói trên cơ sở đảm bảo vệ sinh môi trường. Năm 2006, thí điểm xây dựng điểm sản xuất gạch theo công nghệ lò đứng liên hoàn

tại xã Hồng Lạc huyện Sơn Dương để rút kinh nghiệm.

2. Giải pháp về thị trường

- Các cơ sở sản xuất TTCN tăng cường các mối quan hệ hợp tác, phân công trong các khâu cung cấp nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo hướng phân công chuyên môn hoá cao. Đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm ra địa bàn tỉnh và cả nước.

- Các cơ sở sản xuất chủ động xây dựng, đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hoá. Xây dựng thương hiệu hàng hoá đối với những sản phẩm có uy tín trên thị trường và được người tiêu dùng ưa chuộng.

- Hỗ trợ kinh phí để các đơn vị sản xuất TTCN tham gia hội chợ trong và ngoài tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh đầu tư mở các cơ sở để sản xuất, thu mua, hoàn thiện sản phẩm TTCN trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hoá.

3. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động làm chuyển biến nhận thức của nhân dân. Khai thác thế mạnh của từng địa phương để phát triển sản xuất TTCN, xác định TTCN là một giải pháp tốt để thu hút lao động, tăng thu nhập, góp phần tích cực cho chương trình giảm nghèo của từng địa phương. Vận động nhân dân chủ động tìm tòi, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất TTCN phù hợp với trình độ sản xuất ở mỗi vùng tạo ra nhiều hàng hoá có ưu thế cạnh tranh của từng vùng.

4. Về nguồn nguyên liệu

- Thực hiện quy hoạch các vùng nguyên liệu nông sản như chè, mía, lạc, đậu tương, cây ăn quả... để đảm bảo nguyên liệu ổn định cho sản xuất TTCN.

- Khuyến khích thâm canh, sử dụng giống mới để tạo nguyên liệu có chất lượng cao cho sản xuất. Thực hiện đề tài, dự án về ứng dụng thử nghiệm sản xuất giống cây, con để hỗ trợ kinh phí. Nghiên cứu quy hoạch trồng cây mây phục vụ sản xuất mây tre giang đan.

- Thực hiện đúng quy chế khai thác gỗ và lâm sản, tạo điều kiện đảm bảo nguồn cung ứng nguyên liệu ổn định.

5. Về tổ chức sản xuất

- Vận động người sản xuất có tâm huyết với nghề thành lập các loại hình (có thể là Tổ liên gia, Hợp tác xã, Công ty TNHH) để đại diện cho những người sản xuất nhỏ mở ra các quan hệ với bên ngoài (tìm kiếm thị trường, khai thác vốn, công nghệ mới, tìm đối tác đầu tư). Đối với những nghề mới đưa vào địa bàn thì chọn doanh nghiệp hạt nhân đủ điều kiện để tổ chức thực hiện và truyền nghề.

- Khuyến khích các HTX nông lâm nghiệp làm dịch vụ làm đất, thu hoạch, dịch vụ kinh doanh điện nhằm đưa cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục có chính sách hỗ trợ lãi suất đối với việc vay vốn mua thiết bị làm đất, thiết bị chế biến nông sản theo định hướng phát triển của Nhà nước.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại - Du lịch, Sở Công nghiệp - TCN, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hình thành các bộ phận tư vấn dịch vụ về các lĩnh vực: thị trường đầu vào, đầu ra, thị trường tài chính, chuyển giao công nghệ để hỗ trợ phát triển TTCN.

608 - Các huyện, thị xã có cơ chế ưu đãi, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh, cung cấp nguyên liệu, về đào tạo nghề đối với các doanh nghiệp ngoài tỉnh muốn đầu tư vào địa bàn để truyền nghề mới, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm cho người lao động tại địa phương.

6. Về vốn và nguồn nhân lực

- Thực hiện đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, từ nhiều nguồn như: huy động vốn tự có trong dân, từ hệ thống ngân hàng, hỗ trợ từ ngân sách địa phương và Trung ương, trong đó, huy động trong dân là rất quan trọng. Tăng cường liên kết kinh tế thông qua hình thức cung ứng nguyên, vật liệu hoặc ứng vốn trước cho người sản xuất làm hàng gia công.

- Các ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án phát triển sản xuất TTCN vay vốn, được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn. Các huyện, thị xã nghiên cứu hỗ trợ lãi suất vay đối với những dự án sử dụng nhiều lao động của địa phương.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế mở lớp dạy nghề, truyền nghề, gắn đào tạo với các cơ sở sản xuất, đào tạo theo nhu cầu của đơn vị. Hỗ trợ kinh phí mở lớp dạy nghề, lớp bồi dưỡng đào tạo nâng cao năng lực điều hành của người quản lý từ Quỹ khuyến công của tỉnh, Quỹ khuyến công Quốc gia và từ các nguồn vốn khác.

- Đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động trong các làng nghề để sản xuất các mặt hàng theo nhu cầu của thị trường, quan tâm tới những làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu. Việc đào tạo nghề có thể mở tại làng nghề hoặc cử lao động của tỉnh tới các làng nghề ở tỉnh ngoài sản xuất sản phẩm cùng loại nhưng có kỹ thuật cao hơn để học nghề.

- củng cố hệ thống trường dạy nghề của tỉnh, tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy nghề để học viên có điều kiện thực hành, khi ra trường nhanh chóng tiếp cận với công việc.

7. Về chính sách khuyến khích phát triển

- Ban hành chính sách khuyến khích phát triển TTCN và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Xây dựng tiêu chí làng nghề của tỉnh, xây dựng tiêu chuẩn nghề nhân, thợ giỏi cấp tỉnh để tôn vinh.

- Các cơ quan Nhà nước cung cấp miễn phí thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư nghiên cứu cơ hội đầu tư, chuẩn bị hồ sơ dự án đầu tư. ✓

609

- Tỉnh, huyện hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bên ngoài hàng rào cụm, điểm công nghiệp.

- Hàng năm tỉnh dành một phần ngân sách cho Quỹ khuyến công tỉnh, khuyến khích các huyện, thị xã xây dựng Quỹ khuyến công cấp huyện để hỗ trợ phát triển TTCN và làng nghề tại địa phương.

- Tỉnh có chính sách khen thưởng đối với cơ sở gọi được vốn đầu tư trong việc liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các khu, cụm, điểm công nghiệp. Khen thưởng người du nhập nghề vào địa phương nhất là những người từ tỉnh ngoài truyền nghề và sử dụng lao động tại địa phương.

- Hàng năm, khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh giỏi.

8. Giải pháp về quản lý nhà nước

- Kiện toàn bộ phận quản lý nhà nước về công nghiệp, thủ công nghiệp ở cấp huyện. Bố trí cán bộ có chuyên môn phù hợp, đủ điều kiện hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Các cấp chính quyền, các ngành đi sâu nghiên cứu có các biện pháp hữu hiệu để kịp thời tháo gỡ các khó khăn về nguyên liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm..., tạo môi trường sản xuất kinh doanh thông thoáng nhất, giúp cho sản xuất TTCN có điều kiện phát triển mạnh mẽ.

- Chính quyền các cấp tạo điều kiện để nhân dân phát triển sản xuất kinh doanh theo pháp luật, ngăn chặn tình trạng tùy tiện, gây phiền hà, sách nhiễu cơ sở.

Điều 2. Phân công tổ chức thực hiện Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

1. Căn cứ vào nội dung Đề án và tình hình cụ thể của từng ngành, địa phương; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện ngay từ năm 2006 và những năm tiếp theo về phát triển TTCN, làng nghề.

2. Sở Công nghiệp - Thủ công nghiệp là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai Đề án; hàng năm sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện Đề án để có biện pháp điều chỉnh bổ sung kịp thời.

3. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh có kế hoạch tuyên truyền phổ biến các chủ trương chính sách của Nhà nước, của địa phương về phát triển TTCN và làng nghề; giới thiệu, động viên kịp thời những điển hình, nhân tố mới trong phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. (.)

610

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng TU, Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy Dân chính Đảng;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên;
- Lưu VT.

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Quang